

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-PT

Ngày 3-7-2018

V/v chia tài sản chung sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Bình

Các Thẩm phán: Ông Phan Tiến Dũng

Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Minh Chiến - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 3 tháng 7 năm 2018, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2018/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc “chia tài sản chung sau khi ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2017/HNGĐ-ST ngày 1 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 64/2018/QĐ-PT ngày 7 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc L; địa chỉ: Làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Ngọc L là ông Đàm Quốc C - Luật sư thuộc đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: phố Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Bà Đinh Thị Kim D; địa chỉ: Làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Bà Đinh Thị T; địa chỉ: Làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

-Anh Nguyễn Ngọc M; địa chỉ: Làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

-Anh Nguyễn Minh P; địa chỉ: Làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

-Ông Nguyễn Hữu C; địa chỉ: Đường N, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

-Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Đường N, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

-Ông Lương Đình K; địa chỉ: đường T, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

-Bà Đinh Thị C; địa chỉ: đường T, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

-Bà Đ; địa chỉ: Làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

4. Người kháng cáo: Bị đơn là ông Nguyễn Ngọc L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Ngọc M.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phía nguyên đơn trình bày như sau:

Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 13/2015/HNGĐ-PT ngày 9-9-2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã tuyên xử cho ông Nguyễn Ngọc L và bà Đinh Thị Kim D được ly hôn, còn phần tài sản chung thì bị hủy giao về cho Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Theo ông L khai thì trong quá trình chung sống như vợ chồng với bà D thì ông và bà D xác lập được khối tài sản chung như sau:

1. Lô đất có diện tích 26.214,2m², trên đất có 1.530 cây cao su trồng năm 2007 có địa chỉ tại làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường đi dài 51,2m; phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn D dài 50,9m; phía Nam giáp đất ông Mai Xuân P dài 505,8m; phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn N dài 517m.

Trong quá trình giải quyết vụ án, vào ngày 3-2-2016, ông L đã chặt 332 cây cao su để trồng tiêu và bị Công an xã K lập biên bản. Ông L khai lô đất do ông và bà D mua của ông Lương Đình K ông yêu cầu chia đôi cho ông và bà D mỗi người một nửa (chia đôi đất và cao su).

2. Lô đất có diện tích 5.505,8m² ở làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, ông và bà D mua năm 1997 của bà Đ đất chưa có bìa đỏ. Lô đất này có 492 cây cà phê trồng năm 2010. Ông đã làm nhà trên lô đất này và hiện đang ở trên đó nên ông yêu cầu Tòa chia cho ông lô đất này và cây cà phê trên đất. Ông có nghĩa vụ phải thanh toán lại phần chênh lệch cho bà D. Đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông L1 dài 44m; phía Tây giáp đường liên xã dài 20m; phía Nam giáp đất ông B và đất ông N dài 153m, phía Bắc giáp đất vợ chồng ông K1, bà Đ dài 160m.

3. Lô đất có diện tích thực tế là 586,6 m² trong đó phần diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 499,6m² và phần diện tích chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 87m² có địa chỉ tại tổ dân phố 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Lô đất này ông và bà D mua của ông C, bà H ông yêu cầu chia đôi cho ông và bà D mỗi người một nửa. Đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông T dài 59,1m; phía Tây giáp đất bà N dài 58,3m; phía Nam giáp đất trung tâm y tế huyện Đ dài 10m; phía Bắc giáp đường T dài 10m.

4. Lô đất thuê của gia đình H, V và B, V1 trong thời hạn 20 năm có diện tích 7.592,2m² tại làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, trên đất có 700 cây cà phê trồng năm 2012. Đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông C1 dài 46,5m; phía Tây giáp đất bà V, bà V1 dài 44m; phía Nam giáp đất ông L2 và đất ông S dài 145m; phía Bắc giáp đất ông V2 dài 172m.

Lô đất do 4 người đứng tên để thuê nhưng tiền thuê đất của ông với bà D nên ông yêu cầu chia đôi cho ông với bà D.

5. Chiếc xe Toyota mua năm 2013 do ông Nguyễn Minh P đứng tên nhưng tiền mua xe là của ông nên ông yêu cầu chia đôi cho ông và bà D chiếc xe trên theo giá trị.

6. Một căn nhà cấp 4, có diện tích $80m^2$ nằm trên tổng diện tích là $1.586m^2$ trên đất đã trồng tiêu năm 2013. Đất có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đường liên xã; phía Tây giáp đường làng; phía Nam giáp đường làng; phía Bắc giáp đất ông T1, đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Nguyễn Ngọc L, thửa đất số 34, tờ bản đồ số 21. Hiện nay bà D đang ở và đang tranh chấp với ông Lương Đình K, nên ông L đề bà D ở và chưa chia, chờ Tòa án giải quyết.

7. Lô đất thuê với diện tích là $12.000m^2$ thuê 50 năm (chưa trồng cây gì trên đất) của ông N1 ông L yêu cầu chia làm bốn phần bằng nhau.

8. Ba con bò là tài sản chung của ông L và bà D, nên ông L yêu cầu chia đôi.

Bị đơn là bà Đinh Thị Kim D trình bày:

1. Lô đất có diện tích $26.214,2m^2$, trên đất có 1.530 cây cao su trồng năm 2007 có địa chỉ tại làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, đất có tứ cận: Phía Đông giáp đường đi dài 51,2m; phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn D dài 50,9m; phía Nam giáp đất ông Mai Xuân P dài 505,8m; phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn N dài 517m.

Đây là lô đất do bà Đinh Thị T nhờ bà Đinh Thị Ch và ông Lương Đình K mua dùm năm 1999, do bà T chuẩn bị đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan nên có nhờ bà là chị ruột của bà T đứng tên trong bìa đỏ. Do đó, bà yêu cầu tòa án tuyên trả lại đất và cây cao su cho bà Đinh Thị T.

2. Lô đất có diện tích $5.505,8m^2$ ở làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, đất chưa có bìa đỏ. Lô đất trước đây có 570 cây cà phê nay còn 492 cây cà phê trồng năm 2010. Đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông L1 dài 44m; phía Tây giáp đường liên xã dài 20m; phía Nam giáp đất ông B và đất ông N dài 153m, phía Bắc giáp đất vợ chồng ông K1, bà Đ dài 160m.

Đây là đất của anh Nguyễn Ngọc M mua nên bà yêu cầu trả lại cho anh M.

3. Lô đất có diện tích thực tế là $586,6 m^2$ trong đó phần diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là $499,6m^2$ và phần diện tích chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là $87m^2$ có địa chỉ tại tổ dân phố 7, thị trấn Đ, huyện Đ đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông T dài 59,1m; phía Tây giáp đất bà N dài 58,3m, phía Nam giáp trung tâm y tế huyện Đ dài 10m; phía Bắc giáp đường T dài 10m.

Bà yêu cầu chia làm bốn phần cho bà, ông L, ông P, ông M vì lô đất này là do tiền của các con bà bán bò để góp vốn mua.

4. Lô đất thuê của gia đình H, V và B1, V1 trong thời hạn 20 năm có diện tích $7.265,4m$ tại làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông C1 dài 46,5m; phía Tây giáp đất bà V, bà V1 dài 44m; phía Nam giáp đất ông L2 và đất ông S dài 145m; phía Bắc giáp đất ông V2 dài 172m.

Đây là lô đất do bốn người thuê nên bà đề nghị chia làm bốn phần cho bà, ông L, ông M, ông P.

5. Chiếc xe Toyota mua năm 2013 do ông Nguyễn Minh P mua nên bà để lại cho ông P.

6. Một căn nhà cấp 4, có diện tích 80m² nằm trên tổng diện tích là 1.586m², trên đất đã trồng tiêu năm 2013, đất có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đường liên xã; phía Tây giáp đường làng; phía Nam giáp đường làng; phía Bắc giáp đất ông T1, đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Nguyễn Ngọc L, thửa đất số 34, tờ bản đồ số 21. Hiện nay bà đang ở và đang tranh chấp với ông Lương Đình K, nên bà D ở và không yêu cầu chia, chờ Tòa án giải quyết.

7. Lô đất thuê với diện tích là 12.000m² thuê 50 năm (chưa trồng cây gì trên đất) của ông N1 ông L yêu cầu chia làm bốn phần bằng nhau.

8. Ba con bò là tài sản chung của ông L và bà D, hiện nay tài sản đã bán nên không yêu cầu chia.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Đinh Thị T trình bày như sau:

Lô đất trồng cao su có diện tích 26.214,2m², trên đất có 1.530 cây cao su trồng năm 2007, địa điểm tại làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường đi dài 51,2m; phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn D dài 50,9m; phía Nam giáp đất ông Mai Xuân P dài 505,8m; phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn N dài 517m.

Đất này do bà nhờ vợ chồng bà Đinh Thị C và ông Lương Đình K mua dùm vào năm 1999. Sau đó, do bà chuân bị đi lao động nước ngoài nên bà nhờ bà Đinh Thị Kim D đứng tên trên bìa đỏ. Bà yêu cầu trả lại lô đất trên và cây cao su cho bà và trả lại tiền công trồng và chăm sóc cây cao su từ năm 2007 cho ông L, bà D, anh P và anh M theo giá trị cây cao su mà Hội đồng định giá đã định giá tài sản.

Còn các tài sản khác bà không có liên quan nên bà không yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ Liên quan có yêu cầu độc lập là anh Nguyễn Ngọc M và anh Nguyễn Minh P trình bày:

Nhất trí với ý kiến của bà Đinh Thị Kim D và bà Đinh Thị T đã trình bày như trên và yêu cầu Tòa án chia các tài sản trên theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2017/HNGĐ-ST ngày 1 tháng 12 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Áp dụng Điều 95 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ các Điều 28, Điều 63, 143, 144, 146, 147, 156, 165, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trong vụ án là bà Đinh Thị T với ông Nguyễn Ngọc L và bà Đinh Thị Kim D.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán:

+Tạm giao cho ông Nguyễn Ngọc L được quản lý, sử dụng một lô đất có diện tích là 1.897m^2 , đất có tứ cận: Phía Đông giáp đất bà D dài 47,71m; phía Tây giáp đất ông C1 dài 47,20m; phía Nam giáp đất ông L2 dài 39,51m; phía Bắc giáp đất ông V2 dài 40,52m và được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất có 175 cây cà phê rô trồng năm 2012. Trị giá tài sản là: 84.877.625 đồng. Địa chỉ lô đất tại làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

+Tạm giao cho bà Đinh Thị Kim D được quản lý, sử dụng một lô đất có diện tích là 1.900m^2 , đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông M dài 48,26m; phía Tây giáp đất ông L dài 47,71m; phía Nam giáp đất ông L2 dài 39,70m, phía Bắc giáp đất ông V2 dài 39,54m và được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất có 175 cây cà phê rô trồng năm 2012. Trị giá tài sản là: 84.877.625 đồng. Địa chỉ lô đất tại làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

+ Tạm giao cho anh Nguyễn Ngọc M được quản lý, sử dụng một lô đất có diện tích là 1.895m^2 , đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông P dài 48,26m; phía Tây giáp đất bà D dài 48,26m; phía Nam giáp đất ông S dài 39,56m, phía Bắc giáp đất ông V2 dài 38,66m và được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất có 175 cây cà phê rô trồng năm 2012. Trị giá tài sản là: 84.877.625 đồng. Địa chỉ lô đất tại làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

+ Tạm giao cho anh Nguyễn Minh P được quản lý, sử dụng một lô đất có diện tích là 1.896m^2 , đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông V dài 46,01m; phía Tây giáp đất ông M dài 48,26m; phía Nam giáp đất ông S dài 50,21m, phía Bắc giáp đất ông V2 dài 53,28m và được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất có 175 cây cà phê rô trồng năm 2012. Trị giá tài sản là: 84.877.625 đồng. Địa chỉ lô đất tại làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

+Tạm giao cho ông Nguyễn Ngọc L được quản lý, sử dụng một lô đất có diện tích là $5.505,8\text{m}^2$ ở làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông L1 dài 44m; phía Tây giáp đường liên xã dài 20m; phía Nam giáp đất ông B và đất ông N dài 153m, phía Bắc giáp đất vợ chồng ông K1, Đ dài 160m và được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất có 492 cây cà phê rô trồng năm 2010.

Ông L có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Đinh Thị Kim D số tiền là 235.609.705 đồng;

+Giao cho bà Đinh Thị Kim D được quyền sử dụng một lô đất có diện tích là $249,8\text{m}^2$ và tạm giao quyền quản lý cho bà D phần diện tích $43,5\text{m}^2$ chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 31-12-2008), địa chỉ lô đất tại tổ dân phố 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Đất có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đất ông T dài 59,1m; phía Tây giáp đất bà N dài 58,3m; phía Nam giáp đất trung tâm y tế huyện Đ dài 10m, phía Bắc giáp đường T dài 10m trị giá đất là 205.310.000 đồng.

+ Giao cho ông Nguyễn Ngọc L được quyền sử dụng một lô đất diện tích là $249,8\text{m}^2$ và tạm giao quyền quản lý cho ông L phần diện tích $43,5\text{m}^2$ chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 31-12-2008), địa chỉ lô đất tại tổ dân phố 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Đất có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đất ông T dài 59,1m; phía Tây giáp đất bà N dài 58,3m; phía Nam giáp đất trung tâm y tế huyện Đ dài 10m, phía Bắc giáp đường T dài 10m trị giá đất là 205.310.000 đồng.

Ông L, bà D phải thanh toán lại tiền công sức đóng góp cho anh M 68.436.666 đồng và anh P số tiền là 68.436.666 đồng.

2. Bác yêu cầu của ông L về yêu cầu chia lô đất có diện tích 23.000m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T048362, ngày 27-12-2000, thửa đất số 14, tờ bản đồ số 34 so với thực tế 26.214,2m², trên đất có 1.530 cây cao su trồng năm 2007 có địa chỉ tại làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

+Buộc bà D và ông L phải trả lại lô đất có diện tích 23.000m² đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T048362, ngày 27-12-2000, thửa đất số 14, tờ bản đồ số 34 so với Thực tế 26.214,2m², trên đất có 1.530 cây cao su trồng năm 2007 có địa chỉ tại làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Đất có tứ cận: Phía Đông giáp đường đi dài 51,2m; phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn D dài 50,9m; phía Nam giáp ông Mai Xuân P dài 50,58m, phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn N dài 51,7m. Trị giá đất là 917.497.000 đồng và 1.532 cây cao su trị giá là 324.846.990 đồng.

+Bà T phải thanh toán lại tiền công trồng cây cao su có trên đất từ năm 2007 cho ông L, bà D, anh M và anh P số tiền là 132.846.990 đồng. Trong đó ông L, bà D, anh M và anh P mỗi người được thanh toán số tiền là 33.211.747 đồng.

+Ông Nguyễn Ngọc L phải bồi thường cho bà Đinh Thị T số cây cao su đã chặt là 332 cây. Có giá 224.083 đồng/1 cây. Thành tiền là 74.395.556 đồng.

+Giao cho anh P được quyền sở hữu chiếc xe ô tô biển số 81A-03543 mang tên anh Nguyễn Minh P. Theo hợp đồng mua bán xe ngày 6-5-2013 của Văn phòng Công chứng H, thành phố Hà Nội.

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất đối với đất theo bản án này theo trình tự do pháp luật quy định.

+Một căn nhà cấp 4, có diện tích 80m² trên tổng diện tích là 1.586m² trên đất đã trồng tiêu năm 2013. Đất có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đường liên xã; phía Tây giáp đường Làng; phía Nam giáp đường Làng, phía Bắc giáp đất ông T1, đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Ngọc L thửa đất số 34, tờ bản đồ số 21. Hiện nay, bà Nguyễn Thị Kim D đang ở và đang tranh chấp với ông Lương Đình K, nên ông L để cho bà D ở và chưa chia. Hiện nay, Tòa án đã thụ lý và đang giải quyết bằng một vụ án khác. Do đó, trong vụ án này Hội đồng xét xử không xem xét nhà, đất nêu trên.

Lô đất thuê với diện tích là 12.000m² thuê 50 năm (chưa trồng cây gì trên đất) của ông N1. Qua xác minh thì thấy rằng diện tích đất trên nằm trong diện quy hoạch 03 loại đất rừng thuộc Ủy ban nhân dân xã K và Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Đ quản lý. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn và bị đơn, người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan rút lại yêu cầu khởi kiện về lô đất này. Do vậy Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của các đương sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự rút yêu cầu về phần chia 3 còn bỏ là tài sản chung của ông L, bà D, nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của các đương sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, thông báo quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13-12-2017, nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc L kháng cáo:

-Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử chia đôi lô đất có diện tích 23.000m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T048362, ngày 27-12-200, thửa đất số 14, tờ bản đồ số 34 so với thực tế 26.214,2m², trên đất 1.530 cây cao su trồng năm 2007, có địa chỉ tại làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

-Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử chia đôi 1.586m² đất đã trồng tiêu năm 2013 và 1 căn nhà cấp 4, diện tích 80m², nằm trên 1.586m² đất, địa chỉ tại làng Kóp, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Chia tài sản chung là lô đất có diện tích 12.000m², đất rẫy ở chân núi thuộc xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; đất có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông B2, phía Tây giáp đất B3, phía Nam giáp đất bà B4, phía Bắc giáp đất bà H2.

Ngày 13-12-2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Ngọc M kháng cáo:

-Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét trả lại cho anh lô đất có diện tích 5.762,4m² có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông L1, bà V3; phía Tây giáp đường liên xã; phía Nam giáp đất ông N, ông B; phía Bắc giáp đất bà Đ. Vì theo anh M đây là tài sản riêng của anh không phải là tài sản chung của ông Nguyễn Ngọc L và bà Đinh Thị Kim D.

Ngày 18-12-2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai kháng nghị:

-Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện của các đương sự.

-Hội đồng xét xử không xem xét đến công sức đóng góp của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong việc phân chia lô đất có diện tích 5.505,8m² ở làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

-Tính án phí không đúng gây thiệt hại cho đương sự.

-Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm theo hướng sửa một phần Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

-Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm có những vi phạm sau đây:

Quá trình tham gia tố tụng sơ thẩm và tại đơn kháng cáo cũng như tại phiên tòa dân sự phúc thẩm, nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc L đều yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất 1.586m² thuộc địa phận thôn K, xã K, huyện Đ, lẽ ra cấp sơ thẩm phải thụ lý yêu cầu của ông L trong vụ án nhưng lại cho rằng thửa đất này có tranh chấp giữa vợ chồng ông Lương Đình K với ông L, bà D nên không thụ lý trong vụ án này mà lại thụ lý giải quyết về thửa đất này bằng một vụ án khác;

Đối với thửa đất diện tích là 12.000m² (chưa trồng cây gì trên đất) thuê 50 năm của ông N1. Khi tham gia tố tụng, nguyên đơn là ông L có yêu cầu chia nhưng cấp sơ thẩm không thụ lý, sau đó lại nhận định rằng: tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan rút lại yêu cầu khởi kiện về lô đất này để đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của các đương sự;

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đinh Thị T khai lô đất trồng cao su có diện tích 26.214,2m², trên đất có 1.530 cây cao su trồng năm 2007, địa điểm tại làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai là do bà nhờ ông K mua giúp, nguồn tiền mua đất là của vợ chồng bà T, bà mua đất chồng bà cũng biết. Như vậy, chồng của bà T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ, không đưa chồng bà T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

Những là vi phạm về thủ tục tố tụng nêu trên là nghiêm trọng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội Dung: đối với lô đất có diện tích 23.000m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T048362 được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho hộ bà Đinh Thị Kim D ngày 27-12-2000, thửa đất số 14, tờ bản đồ số 34 so với thực tế 26.214,2m², trên đất có 1530 cây cao su trồng năm 2007 có địa chỉ tại làng K, xã K, huyện Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà T khai: Năm 1999 bà đưa tiền nhờ ông Lương Đình K mua đất với giá 15.000.000 đồng (được ông K thừa nhận việc này), do bà T sắp đi lao động nước ngoài (Đài Loan) nên bà nhờ bà D đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nay vợ chồng bà D ly hôn bà đòi lại đất. Trong trường hợp này, Tòa án cần thu thập chứng cứ xác định bà T đi nước ngoài và về nước từ thời điểm nào? Từ đó mới có đầy đủ căn cứ đánh giá lời khai của bà T về lý do là sắp đi nước ngoài nên phải nhờ bà D đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có hợp lý hay không? Tại sao khi về nước bà T không trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất này mà vẫn để gia đình ông L, bà D quản lý, canh tác, hưởng lợi?

Ông L khai: tiền mua thửa đất trồng cao su có được là từ tiền bán nhà, rẫy ở Đăklăk năm 1999, rồi mua rẫy cả phê ở thôn T, xã K và mua đất trồng cao su với giá 15.000.000 đồng trong cùng năm 1999 (nhờ ông K mua đất); bà D khai bán nhà, đất ở Đăklăk được 30.000.000 đồng, mua đất ở thôn T 26.000.000 đồng, tiền 15.000.000 đồng mua đất cao su là của bà T. Các đương sự khai mâu thuẫn về nguồn tiền mua đất nhưng cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ về số tiền bán nhà, đất ở Đăklăk để xác định bên nào khai là đúng sự thật.

Chỉ khi thu thập đầy đủ các chứng cứ nêu trên thì mới có đủ căn cứ để xác định thửa đất nêu trên có phải là tài sản chung của ông L, bà D hay đây là tài sản của bà T.

[3] Ngoài ra, tại bản án sơ thẩm Tòa án cấp sơ thẩm còn có một số sai sót gây khó khăn cho công tác thi hành án, đó là:

Đối với lô đất thuê của gia đình H,V, B1, V1 trong thời hạn 20 năm có diện tích 7.592,2 m² tại làng K xã K, trên đất có 700 cây cà phê trồng năm 2012, Tòa án cấp sơ thẩm đã chia làm 4 phần: Ông L được 1.897 m², bà D được 1.900 m², anh P được 1.896 m², anh M được 1.895m², và mỗi người được sở hữu 175 cây cà phê trên đất nhưng không có tài liệu nào thể hiện có đúng là trên phần đất chia cho từng người có số lượng cây cà phê như đã chia cho họ không?

Đối với thửa đất có diện tích thực tế là 586,6m² trong đó phần diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 499,6m² và phần diện tích chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 87m² có địa chỉ tại tổ dân phố 7, thị trấn Đ, huyện Đ tỉnh Gia Lai. Tòa án cấp sơ thẩm chia cho ông L, bà D mỗi người một nửa nhưng khi xác định tứ cận của thửa đất được chia thì lại quyết định cho cả hai người được sử dụng toàn bộ thửa đất.

[4] Các đánh giá và nhận định trên cho thấy, trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; việc chứng minh, chứng cứ không đúng mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Do sẽ xử hủy bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét kháng cáo và kháng nghị.

[5] Do Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm, nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1/2017/HNGĐ -ST ngày 1 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã xét xử vụ án “*tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn*” giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc L với bị đơn là bà Đinh Thị Kim D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đinh Thị T, anh Nguyễn Ngọc M, anh Nguyễn Minh P, ông Nguyễn Hữu C, bà Nguyễn Thị H, ông Lương Đình K, bà Đinh Thị C, bà Đ.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Ngọc L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại cho Nguyễn Ngọc L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0002479 ngày 15-12-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Ông Nguyễn Ngọc M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại cho Nguyễn Ngọc M 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0002478 ngày 14-12-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện Đ;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa DS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Bình